

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03-3-2021

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Định

2. Ông Lê Bình Triệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 488/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị T, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp NMB, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp NMB, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trình bày của bà Phan Thị T tại đơn khởi kiện ngày 13/11/2020:*

Hôn nhân: Bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn V tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 29/6/2004. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh

nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, hôn nhân không thể kéo dài nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông V.

Con chung: Bà T và ông V có 02 người con chung tên Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1999 (giới tính nam) và Nguyễn Quốc H, sinh ngày 29/10/2005 (giới tính nam). Cháu Đ đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu xem xét, cháu H hiện do vợ chồng nuôi dạy. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu Hải, không đặt ra yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà T xác định bà và ông V tự thỏa thuận phân chia nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

Nợ chung không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phan Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn là ông Nguyễn Văn V, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông V có nơi cư trú tại Ấp NMB, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Nguyễn Văn V được Tòa án triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông V theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn V tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 29/6/2004. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, hôn nhân không thể kéo dài nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông V. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà T xác định vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân vợ chồng không đạt được, hiện vợ chồng đã ly thân. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có

tiến hành hòa giải để ông bà T và ông V có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do ông V vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông V là phù hợp.

[4]. Về con chung: Bà T và ông V có 02 người con chung tên Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1999 (giới tính nam) và Nguyễn Quốc H, sinh ngày 29/10/2005 (giới tính nam). Cháu Đ đã trưởng thành, cháu H hiện do vợ chồng nuôi dạy. Khi ly hôn, cháu Đ đã trưởng thành không đặt ra yêu cầu xem xét, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu Hải, không đặt ra yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, con chung cháu H đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng sống chung với mẹ là bà T, từ trước cho đến nay sống chung với bà T nên cần chấp nhận cho bà T được tiếp tục nuôi dạy con chung. Bà T không đặt ra yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Ông V không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm con theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở

[5] Tài sản chung: Bà T xác định bà và ông V tự thỏa thuận phân chia nên không đặt ra yêu cầu xem xét. Quá trình giải quyết vụ án, ông V không có ý kiến gì về tài sản chung nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Tại xác nhận không nợ đề ngày 13/11/2020 của Ủy ban nhân dân xã TP và quá trình giải quyết vụ án, ông V không có ý kiến gì về phần nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về nợ chung.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn V.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị T về việc ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

2.1. Về hôn nhân: Bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn V được ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 29/10/2005 (giới tính nam) cho bà T tiếp tục nuôi dạy. Bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Ông V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

2.3. Tài sản chung: Bà T xác định bà và ông V tự thỏa thuận phân chia không đặt ra yêu cầu xem xét nên không xét.

Nợ chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 13 tháng 11 năm 2020, bà T có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0011317 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông V vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã TP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh